TỔ CÔNG TÁC TRIỂN KHAI ĐA06; CCTTHC, CĐS GẮN VỚI ĐA06
TỔ GIÚP VIỆC TRIỂN KHAI ĐA06; CCTTHC, CĐS GẮN VỚI ĐA06

Số: 587 /TGV

V/v triển khai Kế hoạch số 58/KH-UBND về mở đợt cao điểm triển khai cài đặt và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 11 tháng 3 năm 2026

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành trên địa bàn thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 24/02/2026 của UBND thành phố về mở đợt cao điểm triển khai cài đặt và sử dụng Sổ sức khỏe điện tử (SSKĐT) trên ứng dụng VNeID năm 2026. Để đảm bảo đến ngày 31/3/2026, 100% công dân đủ điều kiện tích hợp SSKĐT trên ứng dụng VNeID, Tổ Giúp việc triển khai Đề án 06; Cải cách hành chính, Chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (Tổ Giúp việc) đề nghị các đơn vị phối hợp triển khai một số nội dung sau:

1. Tuyên truyền, phổ biến đến 100% công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan về tiện ích của SSKĐT để thực hiện việc cài đặt, kích hoạt và sử dụng SSKĐT trên ứng dụng VNeID; tích hợp các loại giấy tờ trên ứng dụng VNeID như: Thẻ bảo hiểm y tế, Giấy phép lái xe, Đăng ký xe, tài khoản hưởng an sinh xã hội....

2. Đề nghị Sở Giáo dục và đào tạo chỉ đạo hiệu trưởng các trường Trung học phổ thông, Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố tuyên truyền, hướng dẫn đến các học sinh và phụ huynh về việc cài đặt SSKĐT, tích hợp các loại giấy tờ trên ứng dụng VNeID.

3. Đề nghị Sở Y tế chỉ đạo 100% các cơ sở khám, chữa bệnh thành lập các tổ hướng dẫn tại các điểm tiếp đón người đến khám, chữa bệnh, thân nhân người đến khám, chữa bệnh; hỗ trợ trực tiếp tại các khu điều trị để hướng dẫn người dân cài đặt SSKĐT và tích hợp các giấy tờ trên ứng dụng VNeID.

4. Đề nghị Ban quản lý các khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế tuyên truyền, hướng dẫn đến 100% các công ty, nhà máy, xí nghiệp... thực hiện tích hợp các giấy tờ trên ứng dụng VNeID.

5. Đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu (UBND cấp xã):

- Huy động các thành viên Tổ chuyển đổi số, các cơ quan, đoàn thể để thành lập các tổ lưu động đến từng thôn, xóm, khu dân cư hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng SSKĐT và tích hợp các loại giấy tờ trên VNeID.

- Tăng cường công tác tuyên truyền các tiện ích của SSKĐT, việc tích hợp các loại giấy tờ trên ứng dụng VNeID sẽ không phải xuất trình các giấy tờ

trong các thủ tục hành chính trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt hệ thống Loa phát thanh vào các khung giờ khác nhau để người dân biết và thực hiện.

(Có phụ lục thống kê SSKĐT kèm theo)

Đề nghị các Sở, ban, ngành, địa phương phối hợp triển khai thực hiện, kết quả các đơn vị báo cáo về Ban chỉ đạo triển khai Đề án 06; Cải cách hành chính, Chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (qua Tổ Giúp việc - Phòng Cảnh sát QLHC về TTXH - CATP) **trước ngày 25/3/2026** để tập hợp báo cáo Trưởng Ban Chỉ đạo. Sau thời gian trên, đề nghị các đơn vị báo cáo vào Báo cáo tháng kết quả thực hiện nhiệm vụ Đề án 06./.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Đ/c Tổ trưởng TCT;
- Các đ/c Tổ phó TCT;
- Các thành viên TCT;
(để báo cáo)
- Lưu VP, PC06 (Đ2).

TỔ TRƯỞNG TỔ GIÚP VIỆC

TRƯỞNG PHÒNG CS QLHC VỀ TTXH
Thượng tá Vũ Dương Tường

Kết quả thực hiện chỉ tiêu tích hợp Sổ sức khỏe điện tử
(tính đến 13/3/2026)

STT	Đơn vị	Tổng số dân thường trú	Đã tích hợp	Tỷ lệ (%)	Chưa tích hợp	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu ngày	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
1	Đặc khu Cát Hải	37,074	17,663	48%	19,411	52%	1,142	
2	Xã Vĩnh Thịnh	26,309	11,264	43%	15,045	57%	885	
3	Xã Vĩnh Hòa	28,281	11,481	41%	16,800	59%	988	
4	Xã Vĩnh Bảo	44,813	18,007	40%	26,806	60%	1,577	
5	Xã Thái Tân	20,116	8,038	40%	12,078	60%	710	
6	Xã Hợp Tiến	20,463	8,151	40%	12,312	60%	724	
7	Xã An Phú	34,528	13,636	39%	20,892	61%	1,229	
8	Xã Vĩnh Am	34,294	13,291	39%	21,003	61%	1,235	
9	Xã Ninh Giang	38,728	14,891	38%	23,837	62%	1,402	
10	Xã Kiến Hưng	28,015	10,756	38%	17,259	62%	1,015	
11	Xã Vĩnh Thuận	28,808	10,928	38%	17,880	62%	1,052	
12	Phường Dương Kinh	26,135	9,716	37%	16,419	63%	966	
13	Phường Lê Đại Hành	24,154	8,961	37%	15,193	63%	894	
14	Xã An Hưng	25,335	9,359	37%	15,976	63%	940	
15	Xã Kiến Minh	25,964	9,561	37%	16,403	63%	965	
16	Phường Gia Viên	92,886	34,061	37%	58,825	63%	3,460	
17	Xã Nghi Dương	25,773	9,447	37%	16,326	63%	960	
18	Xã Khúc Thừa Dụ	33,634	12,294	37%	21,340	63%	1,255	
19	Xã An Lão	45,778	16,726	37%	29,052	63%	1,709	
20	Xã An Quang	28,666	10,403	36%	18,263	64%	1,074	
21	Đặc khu Bạch Long Vĩ	456	165	36%	291	64%	17	
22	Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm	24,441	8,764	36%	15,677	64%	922	
23	Xã Kiến Thụy	37,171	13,252	36%	23,919	64%	1,407	
24	Phường Hải An	100,136	35,687	36%	64,449	64%	3,791	
25	Phường Ngô Quyền	81,312	28,763	35%	52,549	65%	3,091	
26	Xã Chấn Hưng	26,149	9,230	35%	16,919	65%	995	
28	Xã Vĩnh Lại	38,663	13,490	35%	25,173	65%	1,481	
27	Xã Tân Minh	35,709	12,459	35%	23,250	65%	1,368	
29	Xã Hồng Châu	32,355	11,213	35%	21,142	65%	1,244	
30	Phường Đông Hải	44,646	15,418	35%	29,228	65%	1,719	
32	Xã Tân An	27,380	9,448	35%	17,932	65%	1,055	

31	Phường Hồng Bàng	108,429	37,310	34%	71,119	66%	4,183	
33	Xã Vĩnh Hải	37,366	12,867	34%	24,499	66%	1,441	
34	Phường Hưng Đạo	37,390	12,589	34%	24,801	66%	1,459	
35	Xã Tiên Minh	35,820	12,017	34%	23,803	66%	1,400	
36	Phường Chu Văn An	53,984	17,995	33%	35,989	67%	2,117	
37	Phường Lê Chân	141,441	46,989	33%	94,452	67%	5,556	
44	Phường Lưu Kiếm	48,389	16,176	33%	32,213	67%	1,895	
38	Phường Nam Đồ Sơn	28,602	9,491	33%	19,111	67%	1,124	
39	Xã An Khánh	34,585	11,455	33%	23,130	67%	1,361	
42	Phường Tân Hưng	39,613	13,056	33%	26,557	67%	1,562	
40	Xã Nguyên Giáp	27,655	9,098	33%	18,557	67%	1,092	
41	Xã Quyết Thắng	21,429	7,044	33%	14,385	67%	846	
43	Phường An Biên	103,402	33,943	33%	69,459	67%	4,086	
45	Xã Trần Phú	35,362	11,559	33%	23,803	67%	1,400	
46	Xã Tiên Lãng	39,592	12,902	33%	26,690	67%	1,570	
47	Xã Tứ Kỳ	36,855	11,988	33%	24,867	67%	1,463	
48	Xã Gia Lộc	46,346	15,078	33%	31,268	67%	1,839	
49	Xã Cẩm Giang	34,145	10,961	32%	23,184	68%	1,364	
50	Phường Thành Đông	47,998	15,361	32%	32,637	68%	1,920	
51	Phường Nguyễn Trãi	15,907	5,072	32%	10,835	68%	637	
52	Phường Kiến An	58,679	18,667	32%	40,012	68%	2,354	
53	Xã Tuệ Tĩnh	27,082	8,574	32%	18,508	68%	1,089	
54	Xã Tân Kỳ	37,864	11,977	32%	25,887	68%	1,523	
55	Xã Việt Khê	38,060	11,940	31%	26,120	69%	1,536	
56	Xã Kẻ Sặt	38,022	11,876	31%	26,146	69%	1,538	
57	Phường Đồ Sơn	25,798	8,027	31%	17,771	69%	1,045	
58	Xã Kiến Hải	44,989	13,975	31%	31,014	69%	1,824	
59	Xã Chí Minh	32,605	10,097	31%	22,508	69%	1,324	
60	Xã Đường An	33,873	10,451	31%	23,422	69%	1,378	
61	Xã Mao Điền	39,082	12,029	31%	27,053	69%	1,591	
62	Phường Phù Liễn	58,015	17,791	31%	40,224	69%	2,366	
63	Xã Lạc Phượng	28,469	8,655	30%	19,814	70%	1,166	
64	Phường Phạm Sư Mạnh	24,384	7,411	30%	16,973	70%	998	
65	Xã Hà Nam	27,672	8,324	30%	19,348	70%	1,138	
66	Phường Trần Nhân Tông	26,816	7,991	30%	18,825	70%	1,107	
67	Xã Nam Sách	35,529	10,592	30%	24,937	70%	1,467	
68	Phường Hải Dương	49,240	14,556	30%	34,684	70%	2,040	
69	Xã Cẩm Giàng	31,038	9,162	30%	21,876	70%	1,287	

71	Phường Lê Thanh Nghị	75,386	22,111	29%	53,275	71%	3,134	
70	Xã Đại Sơn	29,994	8,787	29%	21,207	71%	1,247	
72	Phường Tứ Minh	26,572	7,736	29%	18,836	71%	1,108	
73	Xã Gia Phúc	39,990	11,627	29%	28,363	71%	1,668	
74	Phường An Hải	54,213	15,520	29%	38,693	71%	2,276	
75	Phường Ái Quốc	23,036	6,570	29%	16,466	71%	969	
76	Xã Hùng Thắng	26,660	7,580	28%	19,080	72%	1,122	
77	Phường Hồng An	56,646	16,016	28%	40,630	72%	2,390	
78	Phường Chí Linh	31,405	8,623	27%	22,782	73%	1,340	
79	Xã Thanh Hà	35,765	9,814	27%	25,951	73%	1,527	
80	Xã Nam Thanh Miện	32,545	8,892	27%	23,653	73%	1,391	
81	Phường An Phong	40,707	11,110	27%	29,597	73%	1,741	
82	Xã Kim Thành	42,172	11,497	27%	30,675	73%	1,804	
83	Phường Việt Hòa	30,981	8,432	27%	22,549	73%	1,326	
84	Xã An Thành	28,239	7,637	27%	20,602	73%	1,212	
85	Xã Phú Thái	44,551	12,050	27%	32,501	73%	1,912	
86	Xã An Trường	30,038	8,114	27%	21,924	73%	1,290	
87	Phường Kinh Môn	24,292	6,553	27%	17,739	73%	1,043	
94	Xã Thanh Miện	44,905	12,163	27%	32,742	73%	1,926	
88	Phường Bạch Đằng	50,776	13,526	27%	37,250	73%	2,191	
91	Phường Lê Ích Mộc	51,535	13,687	27%	37,848	73%	2,226	
92	Xã Bắc Thanh Miện	26,745	7,122	27%	19,623	73%	1,154	
89	Phường Thiên Hương	42,637	11,282	26%	31,355	74%	1,844	
90	Xã Lai Khê	42,383	11,203	26%	31,180	74%	1,834	
93	Xã Thượng Hồng	24,137	6,345	26%	17,792	74%	1,047	
95	Xã Trường Tân	31,375	8,177	26%	23,198	74%	1,365	
96	Xã Nguyễn Lương Bằng	33,103	8,368	25%	24,735	75%	1,455	
97	Xã Bình Giang	32,548	8,153	25%	24,395	75%	1,435	
98	Xã Hà Bắc	36,272	9,071	25%	27,201	75%	1,600	
99	Phường Thủy Nguyên	67,681	16,540	24%	51,141	76%	3,008	
100	Phường Nhị Chiểu	43,519	10,623	24%	32,896	76%	1,935	
101	Phường Trần Hưng Đạo	35,623	8,656	24%	26,967	76%	1,586	
102	Xã Yết Kiêu	33,124	8,043	24%	25,081	76%	1,475	
103	Phường Nam Đồng	24,614	5,959	24%	18,655	76%	1,097	
104	Phường Bắc An Phụ	22,567	5,457	24%	17,110	76%	1,006	
105	Phường An Dương	72,692	17,209	24%	55,483	76%	3,264	
106	Phường Trần Liễu	26,646	6,299	24%	20,347	76%	1,197	
107	Xã Hà Tây	34,033	8,036	24%	25,997	76%	1,529	

108	Xã Hà Đông	33,513	7,690	23%	25,823	77%	1,519	
109	Phường Thạch Khôi	34,011	7,779	23%	26,232	77%	1,543	
110	Xã Hải Hưng	27,113	6,085	22%	21,028	78%	1,237	
111	Xã Nam An Phụ	27,485	5,686	21%	21,799	79%	1,282	
112	Phường Nam Triệu	40,100	8,178	20%	31,922	80%	1,878	
113	Phường Nguyễn Đại Năng	28,992	5,706	20%	23,286	80%	1,370	
114	Phường Hòa Bình	50,736	9,643	19%	41,093	81%	2,417	
Tổng		**4,441,756**	**1,376,924**	**31%**	**3,064,832**	**69%**	**180,284**	